

Định chế : Cái « đã » và cái « đang »

Cao Huy Thuần

Năm nay, các bạn đưa đề tài « định chế » vào hội thảo. Tôi xin góp một cái nhìn có tính phương pháp.

Định chế là gì ? Khởi thủy, danh từ này dùng để chỉ « *tất cả những gì được sáng chế ra và tạo nên bởi con người, đối lại với những gì có sẵn trong thiên nhiên* » (Littré). Tính dục là một hiện tượng thiên nhiên, hôn nhân là một định chế.

Quan niệm này bị Durkheim và đồ đệ của ông bác bỏ. Họ cho rằng định chế, trái lại, là những ý nghĩ, những niềm tin, những lễ thói, những hành động xã hội mà con người đã thấy sẵn trước mặt nó : đó là một « *tập hợp những hành động hoặc những ý nghĩ đã được tạo thành mà con người thấy trước mặt, áp đặt trên con người không nhiều thì ít* »¹. Chẳng những không đối đầu với thiên nhiên, các định chế là những dữ kiện tự nhiên của thế giới xã hội.

Cái « *đã được tạo thành* » quan trọng như vậy đó. Nó hiện hữu. Nó là một thực tại. Nó nằm sờ sờ trước mặt chúng ta, như là một hiện tượng tự nhiên. Nó bắt ta phải nhận nó.

Quan niệm này của Durkheim được giới luật học ngày trước chấp nhận. Một tên tuổi sáng chói trong đại học luật của Pháp, Maurice Hauriou, định nghĩa định chế như sau, trong những năm 25-30 : « *Một định chế là một ý nghĩ - nền móng được thực hiện và trường tồn trên mặt pháp lý trong một môi trường xã hội ; để thực hiện ý nghĩ đó, một quyền lực được tổ chức mang đến cho nó những cơ quan ; mặt khác, giữa những thành viên của đoàn thể xã hội muốn thực hiện ý nghĩ đó có những dấu hiệu thống nhất tư tưởng được chỉ đạo bởi những của quyền lực và được quy định bằng những thủ tục* ».

Dịch như thế này thì chắc chẳng có tai nào nghe được. Tôi xin chua nguyên văn tiếng Pháp ở dưới². Dù sao đi nữa, trong định nghĩa trên, ta cũng thu nhận được vài điểm chính : bắt đầu của định chế là một ý nghĩ ; sự thực hiện ý nghĩ làm nảy sinh quyền lực ; quyền lực tạo ra những cơ quan ; những cơ quan này chỉ đạo và quy định thủ tục pháp lý cho một sự đồng thuận ắt có giữa các thành viên của đoàn thể xã hội muốn thực hiện ý nghĩ đó.

¹ Fauconnet et Mauss, *Sociologie*, trong *La Grande Encyclopédie*

² « *Une institution est une idée d'œuvre ou d'entreprise qui se réalise et dure juridiquement dans un milieu social ; pour la réalisation de cette idée, un pouvoir s'organise qui lui procure des organes ; d'autre part, entre les membres du groupe social intéressés à la réalisation de l'idée, il se produit des manifestations de communion dirigées par les organes du pouvoir et réglées par des procédures.* »

Ta thấy gì ? Ngoài hiện tượng pháp luật được nhấn mạnh, định nghĩa của Hauriou gán cho yếu tố ý thức và lý trí một tầm quan trọng quá lớn. Nhưng trên hết, tựa tựa như quan điểm của Durkheim, **cái đã được tạo thành** (quyền lực, cơ quan, thủ tục pháp lý, sự đồng thuận) là thực thể sờ sờ trước mắt chúng ta.

Đây là quan niệm thứ nhất về định chế, quan niệm cổ điển ở Pháp, quan niệm được giới xã hội học và luật học trước đây đề xướng và áp dụng. Nó nhấn mạnh trên **những hình thức xã hội đã được tạo thành**. Định chế, như vậy, là những hiện tượng xã hội tập thể, nghĩa là liên quan đến tất cả chứ không phải riêng gì ai ; hiện tượng đó trình bày trước mắt người ta tính chất trường tồn, liên tục, ổn định. Bất cứ xã hội nào đều mang sẵn trong lòng nó một trật tự vượt lên trên các nhóm và các cá nhân, nhằm mục đích xây dựng sự liên kết, sự hoà nhập, sự tồn tại trong thời gian của xã hội đó. Định chế vừa là biểu hiện của trật tự, vừa bảo đảm cho trật tự đó : nó chất chứa một sự vững chắc riêng, tách biệt ra khỏi những ý muốn đã khai sinh ra nó, và nó được tạo ra để trường tồn, nó ép buộc ý muốn của nó trên những thành viên của xã hội bằng cách tạo khuôn, đúc mẫu cho tư tưởng và hành động.

Được quan niệm như vậy, các định chế bao gồm nhiều thực tại có bản chất khác nhau, hiện diện trên nhiều bình diện khác nhau : định chế chính trị, định chế xã hội, định chế tôn giáo, định chế nghề nghiệp... Nhưng nói chung, định chế nào cũng có hai mặt : một mặt là những quy tắc về cách xử sự, đứng đầu là những quy tắc luật pháp ; một mặt là sự hiện diện của những nhóm có tổ chức trong đó các thành viên dần dần học hỏi cách xử sự cho đúng phép để đi vào khuôn mẫu có sẵn của xã hội.

Nghĩa là gì ? Nghĩa là định chế được đồng hoá với **cái đã được tạo thành**, tiếng Pháp là *institué*. Tất nhiên chẳng ai ngu si đến độ xem cái đã được tạo thành đó là bất di bất dịch, bất suy bất biến. Lý thuyết gia nào cũng nhìn định chế từ nguồn gốc rồi theo dõi biến chuyển của nó. Rousseau chẳng hạn đã tìm thấy nguồn gốc của định chế nơi ý muốn thành lập một « hợp đồng xã hội ». Lý thuyết *contrat social* đó, bây giờ chẳng mấy người theo, nhưng nhiều người vẫn có một « ý muốn chung » được biểu lộ bằng một « hành động tập thể » nhằm mục đích đặt nền móng cho cho việc khai sinh định chế. Đó là ý nghĩa của hai chữ « *idée d'œuvre* » trong định nghĩa của Hauriou. Đó cũng là ý nghĩa của chữ « *communio* » mà tôi tạm dịch là thống nhất tư tưởng. Tôi nhắc lại : sự thống nhất tư tưởng đó được thực hiện bằng hành động của một quyền lực có khả năng tập hợp sự thoả thuận và sau đó cụ thể hoá bằng thể thức luật pháp. Được nuôi dưỡng bằng luật pháp từ thuở mới sinh ra đời, định chế trở thành « chủ thể luật pháp » (*sujet de droit*), rồi cứ thế mà tiếp tục đi, tiếp tục tiến triển, lúc nào cũng cử động : không những nó phải được bú mớm, bồi dưỡng hoài bằng sự thoả thuận, mà sự lớn cao, thăng bằng nội bộ của nó cũng tùy thuộc vào những áp lực đè lên trên nó.

Nói tóm lại, dù ngu si đến mấy đi nữa, ai cũng thấy rằng các định chế có một nguồn gốc và một quá trình tiến triển năng động. Nhưng dù thấy quá trình đó, quan điểm của Durkheim, cũng như của Hauriou, vẫn nhấn mạnh trên *cái đã được tạo thành*, cái *institué*. Với quan điểm đó, định chế là một thực thể tự trị, riêng biệt và trường tồn : ta có thể nắm bắt được một luận lý nội tại trong sự tổ chức và điều hành của nó, cũng như có thể vẽ ra lịch sử của nó.

Tôi xin nói ngay rằng quan niệm này không phải là quan niệm của tôi. Chẳng phải vì tôi là đồ đệ của một trường phái nào khác. Cũng chẳng phải vì tôi ăn ý với lời chỉ trích này, mà tôi thấy không sai : nhìn với quan điểm vừa nói, *cái đã được tạo thành* trở thành một thực thể tự lập, có khuynh hướng tách biệt ra khỏi những ý muốn đã khai sinh ra nó.

Tôi trình bày một quan niệm thứ hai mà tôi thấy hợp với cái nhìn của tôi về mọi sự vật, một cái nhìn rất *động*, khác với cái nhìn quá *tĩnh*, chú tâm quá nhiều vào cái *institué*. Quan niệm mà tôi sẽ trình bày nhấn mạnh trên *quá trình tiến triển*, trên *processus*, không nhấn mạnh trên kết quả của quá trình đó. Một bên nhấn mạnh trên *instituant*, một bên nhấn mạnh trên *institué*. Một bên nâng chữ **đang** lên hàng đầu, một bên chú mũi vào chữ **đã**. Ở Pháp, quan niệm thứ hai được bàn cãi từ những năm 60, với Sartre và Castoriadis chẳng hạn ³.

Với lối nhìn này, định chế không còn được xem như một sự kiện được tạo thành mà là một quá trình biện chứng vẽ ra một tranh chấp thường xuyên — và vĩnh viễn — giữa **cái đã được định chế** và **cái đang định chế**, giữa *institué* và *instituant*. Những cái đã được định chế luôn luôn bị phá hoại, bị tấn công, bị làm tan rã dưới áp lực của những lực lượng định chế. Hai cái đó tương quan mâu thuẫn với nhau, đưa đến một thăng bằng tạm thời và mong manh là sự định chế hoá (*institutionnalisation*) mà chắc các bạn đang ấp ủ trong tim khi triệu tập hội thảo này.

Có phải tôi mắc xit không ? Tại sao không, nếu cái nhìn biện chứng giúp tôi nhìn rõ sự việc đang diễn ra trước mắt tôi, trước mắt chúng ta ? Định chế không phải là một tổng thể đã hoàn thành, có cấu trúc mạch lạc, bền vững, mà là một cái gì đang hoàn thành, luôn luôn đang hoàn thành. Đó không phải là một « sự vật », mà là một « thực tiễn ». Không thể hiểu nó được trong bản chất của nó, bởi vì làm sao có bản chất trong cái gì đang chuyển động thường xuyên. Nó chỉ hiện hữu trong sự chuyển động đó, trong quá trình tiến triển thường trực của thành / hoại. Triết lý Phật giáo nói : thành, trụ, hoại, không. Với cái nhìn đó, định chế « hiện hữu » bằng cách tạo thành và tan rã thường xuyên.

Tôi đi sâu một tí vào chitiết và liên tưởng trước hết đến định chế chính trị :

1) Phải bắt đầu từ đâu để phân tích một định chế ? Một Nhà nước, một đảng, vân vân và chẳng hạn. Bắt đầu từ cái **đang** ? Hay bắt đầu từ cái **đã** ? Các lý thuyết gia của quan niệm thứ hai đề nghị khởi đi từ cái **đã**, bởi vì, đứng về mặt phương pháp, phải có một cái móc cụ thể để tư tưởng bám vào đó mà trèo như leo núi. Cái **đang** thì cứ chuyển động hoài, bám không được.

Vậy bám vào cái **đã** trước. Vấn đề là : làm thế nào khởi đi từ cái **đã** mà tầm nhìn vẫn không rời khỏi những lực lượng rất động thường xuyên tác động trên nó để buộc nó luôn luôn phải là cái **đang** ? Buộc nó không được nghĩ rằng nó là cái gì đã thành tựu, đã trọn vẹn, đã hoàn hảo. Buộc nó đừng có khuynh hướng tách mình ra khỏi những yếu tố đã tạo ra nó, quên mất những yếu tố đó, cắt đứt cái rốn sinh thành.

Tất nhiên, cái đã được tạo thành luôn luôn muốn kiểm soát, muốn dôn về một hướng tất cả những con sóng vỗ vào nó, tất cả những áp lực dôn trên nó. Nhưng bất cứ sự kiểm soát nào cũng có khe hở, hở rồi bít, bít rồi hở, và chính cái quá trình bít/hở đó un đúc ra sự năng động, tránh cho xã hội đi vào bế tắc, đi vào tự tử.

Tôi vừa nói : áp lực trên cái **đã**. Đừng nghĩ rằng đây toàn là áp lực làm tan rã cái **đã**. Cũng có những áp lực để tăng cường cái **đã**. Nói chung, mâu thuẫn giữa **đã** và **đang** là mâu thuẫn giữa trật tự và chuyển động — trật tự biến đổi những cách hành xử phân tán trong khắp chiều hướng thành hành động tập thể, có mạch lạc, có liên kết ; chuyển động làm biến dịch những hình thức đã được tạo thành, làm xã hội tiến bộ.

³ Sartre, *Critique de la raison dialectique*, 1960. Castoriadis, dưới bút hiệu P. Cardan : *Marxisme et théorie révolutionnaire*, trong *Socialisme ou Barbarie*, số 39, mars-avril 1965 và số 40, juin-aout 1965, và *L'institution imaginaire de la société*, 1975.

2) Trước những áp lực đó của **cái đang định chế**, **cái đã định chế** phản ứng lại. Phản ứng có thể là co rúm, đẩy lùi mọi áp lực. Tình trạng này có thể đưa đến bùng nổ. Nhưng phản ứng cũng có thể là chấp nhận, thích nghi, nương theo sóng, theo gió mà vươn tới, bay lên, tiến đến cái mục đích mà cái **đã** luôn luôn nhằm là sự trường tồn của chính mình.

Mặt khác, những lực lượng của cái đang định chế có thể từ chối, không chịu chơi cái trò chơi hoà nhập, công khai thách thức trật tự được an bài. Tình trạng này cũng đưa đến tan vỡ. Nhưng để nói tan vỡ thực sự, phải có yếu tố bạo lực. Chưởi bới chẳng bao giờ đưa đến tan vỡ, nếu chỉ có Voltaire, Rousseau mà không có Bastille.

Chẳng liên quan gì đến biện chứng, Freud ném vào mặt hồ định chế một viên sỏi hay hay. Theo ông, đoàn thể nào cũng bắt nguồn từ một « *tội ác cùng nhau phạm* » : từ chối uy quyền của Cha và chiếm hữu uy quyền đó. Từ đó mà người ta tự khám phá ra mình là anh em và người này tìm thấy mình nơi người kia. Sự hợp nhất anh em đó được thành tựu nhờ một hành động từ khước : sự giết Cha ; nó ngăn cấm không cho ai quay trở lại nữa, nhưng nó cứ cựa quậy quấy phá ý thức hoài dù bị ngăn chặn. Cái « một », cái « duy nhất » bị triệt hạ, đưa đến sự khai sinh của nhóm, trong đó mọi thành viên đều liên kết với nhau do những liên hệ hỗ tương và liên đới. Tuy nhiên, cộng đồng huynh đệ đó không kéo dài mãi được : trong đầu của mỗi người anh em sẽ nảy sinh ra ước muốn chiếm chỗ của Cha, đưa đến tranh chấp liên miên, chỉ hoà dịu khi nào hình ảnh của Cha được tái lập, Luật (*la Loi*) được vấn hồi. Bạo lực trong Freud được diễn tả như vậy : phủ nhận Luật ; từ khước uy quyền đã an bài ; từ chối sự thiến và huy động những tiềm năng tính dục ; vi phạm công khai những huy ký và bạo lực.

Tôi nhắc Freud ở đây vì không định chế nào không đánh vào mặt tâm lý và ẩn ức, không vận dụng ngôn ngữ của ước muốn (*désir*).

3) Tan vỡ vừa nói chỉ là một khoảnh khắc trong quá trình biện chứng của định chế. Trật tự đã tạo thành, bị lung lay như thế, sẽ có cách làm văn hồi sự ngự trị của nó trên cung cách xã hội bằng biện pháp **định chế hoá**.

Áp lực của những « lực lượng định chế », của cái « đang », dù đưa đến tan vỡ đi nữa, vẫn không làm thay đổi được một cái, một chuyện, một nguyên tắc : đó chính là cái nguyên tắc phải xây dựng định chế. Xã hội không thể cứ sống khơi khơi như vậy. Phải có ổn định. Phải có tổ chức. Nghĩa là phải có định chế. Thế thì xây dựng định chế như thế nào sau cái khoảnh khắc tan vỡ đó ? Hai chuyện xảy ra. Một mặt, nói rằng tan vỡ, nhưng chẳng có tan vỡ nào là tan tành mây khói. Quá khứ không bao giờ bốc hơi tuốt luốt đến cạn khô, dù là ở Liên Xô hay Trung Quốc.

Bao giờ cũng còn lại một cái gì đấy, một màng lưới những định chế ở cấp dưới, ở rễ của cỏ nói theo tiếng Anh — *grass roots* — bao trùm quan hệ cá nhân và quan hệ xã hội. Mặt khác, những « lực lượng định chế » sẽ có khuynh hướng lấy lại mẫu mực của quyền lực mà chúng chống đối ; chúng tự biến đổi để trở thành những hình thức xã hội đã được tạo thành : cái **đang** bước vào cái **đã**. Tôi không biết Nguyễn Huệ có phải là lãnh đạo « lực lượng nông dân » hay không, nhưng tôi biết Nguyễn Huệ lên ngôi ở Phú Xuân, lấy hiệu là Quang Trung.

Đừng nói đây là bước thụt lùi, đây là phản bội. Chỉ là quá trình biện chứng đấy thôi! Có tác giả xem định chế hoá như là sự thất bại của một lời tiên tri. Tiên tri ở thành công của dự định lúc đầu, một dự định cách mạng, thế mà dự định cách mạng đó đi vào lẽ thói mất rồi. Định chế hoá là cái **đã** vừa mất cái **đang** : nó xảy ra ngay lúc phong trào biến thành một thực tại tập thể, có một sự vững chắc riêng và khác với những yếu tố thành viên, nhắm đến sự trường tồn của chính nó. Nhưng đây không phải

là bước thụt lùi. Bởi vì trật tự được tạo thành không phải là trật tự cũ. Nếu cái **đã** vừa hút cái **đang** thì cái **đang** cũng làm biến đổi cái **đã**.

Để trở lại với Freud : các lý thuyết gia phân tâm học cắt nghĩa quá trình định chế hoá như là nhu cầu tái lập hình ảnh của Cha. Đoàn thể anh em xuất phát từ vụ giết Cha sẽ nhanh chóng cấu xé lẫn nhau ; đoàn thể đó chỉ tồn tại được nếu biết tự đặt mình lại dưới sự phục tùng Luật. Hoặc là anh em, để khỏi tiêu diệt lẫn nhau, phải từ khước đối tượng của ước muốn (quyền lực của Cha) và lý tưởng hoá Cha, bây giờ trở thành *totem*. Hoặc là đoàn thể anh em được tái thống nhất dưới uy quyền của một Cha mới, biết yêu thương đồng đều mọi đứa con. Định chế, như là một tượng trưng, đóng vai trò của Cha có nhiệm vụ thường xuyên nhắc nhở những đòi hỏi của Luật và đưa thuộc hạ về dưới uy quyền của mình.

Tôi biết tôi nhắc Freud ở đây là thừa. Nhưng tôi nhắc, bởi vì bài nói ngắn này chỉ nhắm một mục đích khiêm tốn thôi, là gợi ý cho bàn luận, và ý của Freud chắc không phải là vô duyên đối với các bạn.

Tôi cũng biết rằng bài nói này quá ngắn gọn, quá sơ sài, nhất là trên khái niệm « tan vỡ » mà đáng lẽ tôi phải làm sáng tỏ hơn, phân biệt rõ hơn « tan vỡ » với « cách mạng ». Nhưng tôi tin rằng mắt ai cũng nhìn xuyên qua được cái « lung linh nghệ thuật » (*flou artistique*) của chữ nghĩa. « Tan vỡ » nói trong bài không phải là tan vỡ cách mạng. Hãy nhìn chung quanh ta, các nước láng giềng của ta, cũng đủ thấy. Hàn Quốc trước đây, Thái Lan trước đây, Indonesia vừa rồi, đưa ra nhiều hình ảnh của tan vỡ có bạo lực và nhiều hình ảnh của định chế hoá như là một cái vòng vừa khép lại một chu kỳ, vừa mở ra một chu kỳ mới.

Quy luật biện chứng mà tôi tóm tắt ở trên từ các tác giả Tây phương⁴ có tính cách nhất thiết bắt buộc, không cưỡng lại được, hay không ? Nói rằng nó bất khả cưỡng e đánh giá quá thấp giá trị của con người. Con người không phải là cái máy tự động ; nó hiểu quy luật để sử dụng quy luật. Nó biết tiên tri để làm thất bại tiên tri. Cho nên định chế hoá có thể xảy ra mà không cần tan vỡ. Ai không thấy điều đó thì chẳng bao giờ hiểu nghệ thuật là gì. Cai trị vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật.

⁴ Tôi lấy ý của bài này từ bài viết của một người bạn thân, đồng nghiệp ở đại học Amiens : Jacques Chevallier, *L'analyse institutionnelle*, trong *L'institution*, CURAPP/PUF, 1981.